



Grades 9-10 Curriculum Parent Meeting

WELCOME • CHÀO MỪNG! • 안녕하세요

An opportunity | Cơ hội để | 하나의 기회

- to learn more about your child's learning in Grade 9 and 10
- to ask questions about Grade 9 & 10 English, Mathematics, Science and Humanities
- To get to know your child's teachers a little better
- Tìm hiểu kỹ hơn về việc học tập của học sinh Lớp 9 & 10
- Đặt câu hỏi về các môn học nhà trường cung cấp cho học sinh Lớp 9 & 10
- Biết thêm về các giáo viên của con
- 9/10학년 자녀의 학습에 대해 알아보기
- 자녀들에게 제공되는 과목에 대한 질문
- 자녀들을 가르치는 선생님들 만나보기

Aims of the Grade 9 & 10 Programme

Mục tiêu của chương trình Lớp 9 & 10

9/10학년 프로그램 목표들

To promote ...

- Student inquiry
- Student autonomy
- Critical thinking

... so that our students can be prepared for further study and for taking their places in a challenging world.

We are NOT teaching to an exam - however the learning in classes will provide opportunities for students to develop the requisite skills needed to take external exams.

Đẩy mạnh ...

- Việc đặt câu hỏi của học sinh
- Sự tự chủ của học sinh
- Tư duy phản biện

... từ đó học sinh được chuẩn bị cho việc học lên cao hơn và tham gia vào một thế giới đầy thử thách.

Chúng tôi KHÔNG dạy để luyện thi cho học sinh - tuy nhiên cơ hội học tập trong các lớp sẽ giúp học sinh phát triển những kỹ năng cần thiết để tham dự các bài thi.

목표

- 탐구심
- 자주적 학습
- 비판적 사고력

위 기술들을 습득시켜 학생들이 다음 단계 학습을 하고 향후 도전적인 세상에서 자리를 찾아나갈 수 있게 함.

시험대비 수업이 아니지만, 수업시 익힌 기술들은 향후 외부 시험들을 치르는데 도움이 될 것입니다.

The Future of Work: Will your child be ready?

Việc làm trong tương lai: Con em chúng ta liệu đã sẵn sàng?

직업의 미래, 자녀들의 대비는?

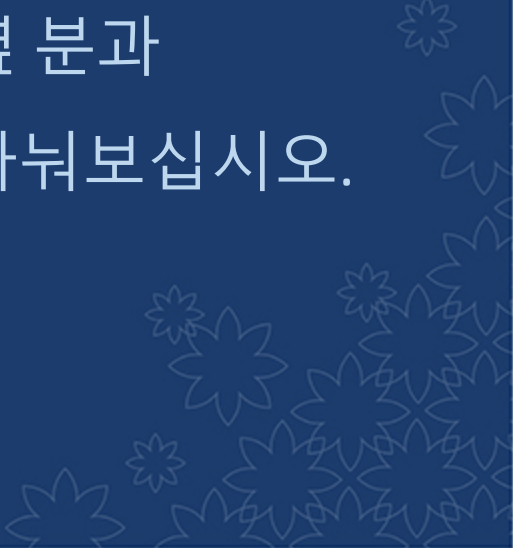




Please spend two minutes speaking with the person beside you about the **knowledge, skills** and **understandings** you think your children will need to thrive in this new world of work.

Vui lòng trao đổi với người bên cạnh về **kiến thức, kỹ năng** và **hiểu biết** mà Quý vị cho rằng con em mình cần phát triển trong bối cảnh việc làm mới như hiện nay.

잠시 2분간, 자녀들이 새로운 직업 세계에서 성공하려면 어떠한 **지식, 기술, 그리고 이해**가 필요한지 옆 분과 이야기를 나눠보십시오.



21st century schooling: A paradigm shift

Trường học thế kỉ 21: Mô hình chuyển giao

21세기 학교 교육 - 패러다임 변화

The goal of 21st Century schooling is the creation of **knowledgeable** and **adaptable** people who can work with others to **innovate** in the new economy.

For students to thrive in this new world of work, **how** they learn must change.

Mục tiêu của nhà trường trong thế kỉ 21 là bồi dưỡng được một thế hệ **có kiến thức** và **biết thích nghi**, có khả năng làm việc với người khác để ngày một **hoàn thiện** trong nền kinh tế mới.

Đối với học sinh muốn phát triển trong bối cảnh này, cách thức học tập cần phải thay đổi.

21세기 학교 교육의 목표는 **지식이 풍부하며, 적응력이 높은** 인재 양성입니다. 이러한 인재들은 새로운 경제 속에서 타인과 협력하여 **혁신**을 이룰 수 있습니다. 학생들이 이러한 직업의 새로운 세계에서 성공하기 위해서는, **학습법**이 변해야 합니다.

Students must shift from...

Cách thức học tập cần chuyển từ... | 학생들의 학습은 변해야 합니다

Passive → **Active**

Memorising → **Processing**

Replicating → **Creating**

Isolation → **Collaboration**

Rigid → **Fluid**

Dependent → **Autonomous**

Answering → **Asking**

Traditional exam-based curricula often do not provide these opportunities.

Bị động → **Chủ động**

Ghi nhớ → **Xử lý**

Rập khuôn → **Sáng tạo**

Cô lập → **Hợp tác**

Cứng nhắc → **Linh hoạt**

Phụ thuộc → **Độc lập**

Trả lời → **Đặt câu hỏi**

Bài kiểm tra dựa trên chương trình học thường không cung cấp những cơ hội này.

수동적 → **능동적**

암기 → **처리**

복사 → **창조**

고립 → **협력**

융통성 없는 → **유연한**

의지적인 → **자발적인**

대답 → **질문**

전통적 시험 위주 교육과정은 이러한 기회를 제공하지 않습니다.

Grade 10 progression | 10학년 진행

Some of our students have entered Grade 10 with very low levels of English. At enrolment, students were advised that the current exam period and assessments to date would be used to measure the readiness of students to continue in Grade 10.

If a teacher, in collaboration with their Head of Department, deems a student unready to access the Grade 10 curriculum they will move back to Grade 9 so that they have more time to develop their knowledge, skills and understandings. **The school will be in contact with you if this decision is made for your child.**

Đối với một số học sinh lớp 10 có đầu vào tiếng Anh thấp, học sinh được khuyên rằng các bài thi và đánh giá hiện tại sẽ được sử dụng để đánh giá khả năng tiếp tục theo học khối 10.

Nếu thầy cô, cùng với Trưởng bộ môn, cho rằng học sinh chưa sẵn sàng theo học chương trình 10, học sinh sẽ được chuyển về khối 9 để có thêm thời gian phát triển kiến thức, kỹ năng và hiểu biết của bản thân. **Trong trường hợp này, nhà trường sẽ liên hệ trao đổi với gia đình.**

몇몇 10학년 학생들에게 영어능력이 낮은 상태로 입학하였습니다. 입학시, 현재 시험 기간 및 평가가 10학년 지속 여부를 가늠할 잣대가 될 것임을 안내했습니다.

한 선생님께서, 부서장과 협력하여, 한 학생이 10학년 과정을 지속할 준비가 안되었다고 판단하게 된다면, 9학년으로 내려가서, 지식과 기술, 이해력을 더 키워야합니다. **이러한 결정이 내려지게 된다면, 학교는 부모님께 연락을 드릴 것입니다.**

Alternative Pathways Grades 11 & 12

Lộ trình thay thế cho khối 11, 12 | 11, 12 학년 대안적 진로

University study is not for everyone! For some students a vocational pathway is more suited to their interests and talents.

TH School is developing an alternative pathway in Grades 11 & 12 for students who will not go to university.

The pathway will include vocational, health and well-being, and life skills options as well as opportunities for work placements and internships.

More details will be shared later in the year.

Học đại học không phải lựa chọn của tất cả học sinh! Đối với một số em, lựa chọn học nghề sẽ phù hợp với khả năng và sở thích hơn.

TH School đang phát triển một lộ trình thay thế cho khối 11 và 12 đối với học sinh không tham gia học đại học.

Lộ trình này sẽ bao gồm các lựa chọn nghề nghiệp, sức khỏe và thân thể, kỹ năng sống cũng như những cơ hội làm việc và thực tập.

Chi tiết cụ thể sẽ được chia sẻ trong năm.

모든 학생들이 대학을 가지않은 않습니다. 어떤 학생들은 흥미와 재능에 따라 직업 진로를 찾는 경우도 있습니다.

TH School은 대입을 원치 않는 11, 12학년을 위해 대안적 진로 지도를 개발중에 있습니다.

직업관련, 건강과 복지, 그리고 다양한 삶의 기술들 뿐 아니라 실무 연수나 인턴십등도 포함합니다.

자세한 사항은 추후 안내해드릴 예정입니다.

Teachers will cover:

Các giáo viên sẽ thảo luận về: | 선생님들이 다룰 내용

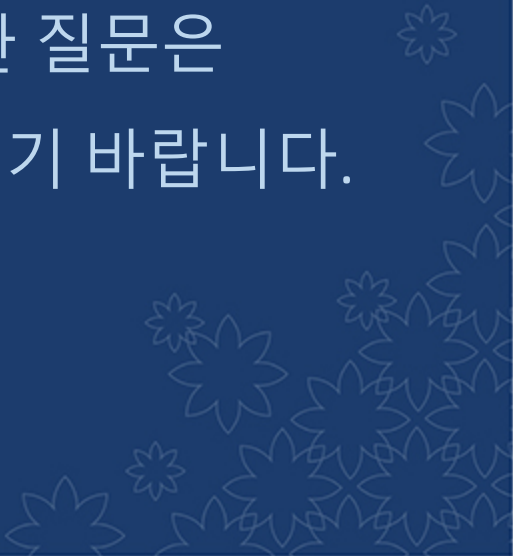
- The knowledge, skills and understandings needed to succeed in their subjects
- Expectations of homework, hours of study, etc.
- Assessment requirements
- Other offerings within their subjects
- Kiến thức, kỹ năng và vốn hiểu biết cần thiết để thành công trong các môn học
- Kỳ vọng về bài tập về nhà, thời gian dành cho việc học vv.
- Các yêu cầu về đánh giá
- Các nguồn lợi khác của môn học
- Các 과목 지식, 기술, 이해
- 과제 및 학습 분량 기대치 부응
- 평가 필수 요소들
- 기타 과목별 제공사항들



To respect all parents in the room we would like you to refrain from asking questions about individual children's progress.

Để thể hiện sự tôn trọng với tất cả các phụ huynh khác trong phòng, Quý vị vui lòng không đặt câu hỏi về việc học cá nhân của học sinh.

모든 부모님들을 대상으로 하는 설명회이니 만큼, 개별 학생에 대한 질문은 삼가해주시기 바랍니다.



Our teachers will now tell
you a little more about their
subjects ...

... but before they do please
set your phones to silent and
refrain from using them
during teachers' sessions.

Thank you!

Tiếp theo xin kính mời Quý
vị đến gặp các giáo viên để
tìm hiểu kỹ hơn...

.... nhưng trước đó vui lòng
để điện thoại ở chế độ im
lặng và không sử dụng điện
thoại trong phiên họp của
các giáo viên.

Xin cảm ơn!

선생님들과의 만남에
초점을 두고 있습니다.
설명회동안 전화기를
무음으로 해주시고
사용을 삼가해주시십시오.

감사합니다!

TH School
